TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/DS-ST
Ngày: 08-4-2019
V/v tranh chấp hợp đồng thuê xây dựng nhà tiền chế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Quế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Dịnh

2. Ông Hoàng Văn Vương

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Bảo Trâm, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng thuê xây dựng nhà tiền chế"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Quách Hồng Đ, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện Th, tỉnh Cà Mau

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Viết M, sinh năm 1966 (có đơn xin vắng mặt)

2.2. Bà Cao Ngọc L, sinh năm 1970 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện Th, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn là bà Đ trình bày:*

Vào tháng 9 năm 2017 âm lịch, bà Đ có nhận làm nhà tiền chế cửa nhôm cho vợ chồng ông M và bà L. Bà L có đặt cọc 10 triệu đồng. Khi hoàn thành nhà hết tổng cộng là 99.830.000 đồng, khấu trừ 10 triệu đồng đặt cọc, vợ chồng bà L còn nợ lại 89.830.000 đồng. Vợ chồng bà L hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả nợ. Đến ngày 31/8/2018, bà L có làm cam kết hứa sau 03 tháng sẽ trả cho bà Đ 39.830.000 đồng, còn nợ lại 50 triệu đồng sẽ trả đủ trong năm 2018. Nhưng đến nay, vợ chồng bà L không trả được đồng nào.

Nay bà Đ yêu cầu ông M và bà L hoàn trả 89.830.000 đồng.

** Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là ông Lê Viết M trình bày:*

Ông M và bà Đ đã ly hôn vào năm 2011. Hai người sống riêng và không liên quan gì đến nhau. Ông M không biết và không có liên quan gì đến việc bà L làm nhà tiền chế và còn thiếu tiền của bà Đ. Vì thời điểm thực hiện vào năm 2017. Do đó, ông M không đồng ý thanh toán nợ cho bà Đ.

** Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là bà Cao Ngọc L trình bày:*

Bà L thừa nhận vào khoảng tháng 9 năm 2017 âm lịch có thuê bà Đ làm nhà tiền chế. Bà L có đặt cọc cho bà Đ 10 triệu đồng. Sau khi làm nhà tiền chế, tiền công thuê bà Đ là 99.830.000 đồng, trừ tiền đặt cọc, bà L còn nợ bà Đ 89.830.000 đồng.

Bà L và ông M là vợ chồng, nhưng đã ly hôn khoảng 8, 9 năm nay. Việc làm nhà, có ông M tham gia thỏa thuận với bà Đ. Ông M trực tiếp theo dõi việc làm nhà. Ông M có hứa cho bà L 01 số tiền để trả cho bà Đ nhưng chưa thực hiện. Căn nhà thuê bà Đ cất là để cho 02 đứa con chung của ông M và bà L sử dụng. Do đó, ông M cũng phải có trách nhiệm cùng bà L thanh toán cho bà Đ tổng số tiền là 89.830.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay:

Các đương sự vẫn bảo lưu ý kiến như được trình bày trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn là ông M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đương sự này.

[2] Qua sự thừa nhận của các đương sự, thể hiện vào khoảng tháng 9 năm 2017 âm lịch, phía bà L có thuê bà Đ xây dựng nhà tiền chế. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định giao dịch giữa các đương sự là có thật và hợp pháp.

[3] Sau khi xây dựng xong nhà tiền chế, xác định tổng chi phí là 99.830.000 đồng, khấu trừ 10 triệu đồng phía bà L đặt cọc, còn nợ bà Đ tổng số tiền là 89.830.000 đồng. Bà L có cam kết ngày 31/8/2018 để trả số tiền này cho bà Đ nhưng không thực hiện là đã vi phạm nghĩa vụ của bên đặt gia công.

[4] Mặc dù, ông M và bà L được Tòa án nhân dân huyện Thới Bình công nhận thuận tình ly hôn tại Quyết định số 19/2011/QĐST-HNGĐ ngày 14/12/2011. Nhưng chứng cứ do phía bà Đ cung cấp cùng với việc thừa nhận của bà L xác định được thời điểm bà L thuê bà Đ xây dựng nhà tiền chế thì ông M có tham gia và theo dõi quá trình phía bà Đ xây dựng. Mặt khác, theo bà L, mục đích thuê bà Đ xây dựng nhà tiền chế là để cho các con chung của ông M và bà L sử dụng. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà Đ, buộc ông M và bà L phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán 89.830.000 đồng. Trường hợp chậm thanh toán, ông M và bà L còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định.

[5] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn là ông M và bà L phải chịu án phí có giá ngạch 5%. Trả lại cho bà Đ khoản tiền nộp tạm ứng án phí.

[6] Tại phiên tòa: Bà Đ và bà L có mặt, nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án; ông M vắng mặt, nên thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 544 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt ông Lê Viết M.

2. Buộc ông Lê Viết M và bà Cao Ngọc L phải liên đới có nghĩa vụ thanh toán cho bà Quách Hồng Đ 89.830.000 (tám mươi chín triệu tám trăm ba mươi ngàn) đồng là khoản tiền còn nợ trong hợp đồng gia công làm nhà tiền chế. Trong đó, phần của ông M phải thanh toán là 44.915.000 (bốn mươi bốn triệu chín trăm mười lăm ngàn) đồng, phần của bà L phải thanh toán là 44.915.000 (bốn mươi bốn triệu chín trăm mười lăm ngàn) đồng.

3. Kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp ông M và bà L không chịu thanh toán cho bà Đ khoản tiền nói trên, thì hàng tháng, ông M và bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Ông M và bà L phải chịu 4.491.500 (bốn triệu bốn trăm chín mươi mốt ngàn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

5. Trả lại cho bà Đ 2.246.000 (hai triệu hai trăm bốn mươi sáu ngàn) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005889 ngày 14/01/2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành.

6. Bà Đ và bà L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS nd huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự huyện Thới Bình;
- Phòng KTNV&THA TA nd tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trọng Quế